

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 47/TC-TCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 10 năm 1990

THÔNG TƯ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Hướng dẫn thi hành Luật thuế lợi tức

Căn cứ Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt đã được Quốc hội nước CHXH chủ nghĩa Việt Nam khoá VIII, kỳ họp 7 thông qua ngày 30/6/1990 và Nghị định số 352/HĐBT ngày 2/10/1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế tiêu thụ đặc biệt như sau:

PHẦN I

PHẠM VI ÁP DỤNG THUẾ LỢI TỨC

I. VỀ ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ LỢI TỨC:

1. Đối tượng nộp thuế lợi tức là các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam (gọi chung là cơ sở kinh doanh) được quy định tại Điều 1 Luật thuế lợi tức bao gồm:

Các xí nghiệp quốc doanh hạch toán kinh tế độc lập;

Các đơn vị sự nghiệp, văn hoá, y tế, giáo dục và sự nghiệp khác hoạt động theo mọi phương thức kinh doanh thuộc tất cả các ngành, các tổ chức kinh tế của Đảng, đoàn thể, lực lượng vũ trang;

Công tư hợp doanh, tổ chức liên doanh liên kết kinh tế giữa các tổ chức, cá nhân kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế;

Các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác;

Cá nhân kinh doanh: Xí nghiệp tư doanh, hộ cá thể;

Trường hợp cơ sở kinh doanh khoán cho cá nhân dưới hình thức phải nộp một số tiền cho cơ sở kinh doanh, thì cá nhân nhận khoán phải nộp thuế doanh thu, thuế lợi tức theo quy định đối với cá nhân kinh doanh. Khoản nộp của cá nhân cho cơ sở kinh doanh được coi là khoản lợi

Lợi tức chịu thuế	=	Tổng số doanh thu	-	Tiền KH TSCĐ	-	Chi phí nguyên vật liệu	-	Phí tồn hợp lệ	-	Thuế	+	Lợi tức phụ (nếu có)
----------------------------	---	----------------------------	---	--------------------	---	-------------------------------------	---	-------------------------	---	------	---	----------------------------------

2. Đối với ngành thương nghiệp ăn uống:

Lợi tức chịu thuế	=	Tổng số doanh thu	-	Giá vốn hàng bán ra	-	Tiền KH TSCĐ	-	Phí tồn hợp lệ	-	Thuế	+	Lợi tức phụ (nếu có)
----------------------------	---	----------------------------	---	---------------------------------	---	--------------------	---	-------------------------	---	------	---	----------------------------------

3. Đối với hoạt động đại lý, uỷ thác:

Lợi tức chịu thuế	=	Tiền hoa hồng	-	Tiền KH TSCĐ	-	Chi phí kinh doanh hợp lệ	-	Thuế	+	Lợi tức phụ (nếu có)
----------------------------	---	---------------------	---	--------------------	---	------------------------------------	---	------	---	----------------------------------

4. Đối với ngành du lịch:

Lợi tức chịu thuế	=	Tổng số doanh thu	-	Tiền KH TSCĐ	-	Chi phí nguyên vật liệu (nếu có)	-	Chi phí kinh doanh hợp lệ	-	Thuế	+	Lợi tức phụ (nếu có)
----------------------------	---	----------------------------	---	--------------------	---	--	---	---------------------------------------	---	------	---	----------------------------------

5. Đối với ngành dịch vụ các loại:

Lợi		Tiền		Tiền		Chi		Phí				Lợi
-----	--	------	--	------	--	-----	--	-----	--	--	--	-----

tức chịu thuế	=	thu về dịch vụ	-	KH TSCĐ	-	phí vật liệu (nếu có)	-	tôn hợp lệ	-	Thuế	+	tức phụ (nếu có)
---------------------	---	----------------------	---	------------	---	-----------------------------------	---	------------------	---	------	---	---------------------------

6. Đối với ngành kinh doanh ngân hàng, tín dụng, cầm đồ:

Lợi tức chịu thuế	=	Lãi về tiền cho vay	-	Lãi trả về tiền gửi	-	Tiền KH TSCĐ	-	Chi phí kinh doanh hợp lệ	-	Thuế	+	Lợi tức phụ (nếu có)
----------------------------	---	---------------------------------	---	---------------------------------	---	--------------------	---	---------------------------------------	---	------	---	----------------------------------

A- XÁC ĐỊNH DOANH THU ĐỂ TÍNH LỢI TỨC CHỊU THUẾ

Tổng doanh thu để tính lợi tức chịu thuế quy định tại Điều 8 Luật thuế lợi tức là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền dịch vụ của các hoạt động sản xuất vận tải, thương nghiệp, ăn uống, dịch vụ; tiền hoa hồng của các hoạt động đại lý, uỷ thác; lãi về tiền cho vay của các hoạt động kinh doanh ngân hàng, tín dụng, cầm đồ theo Điều 8 Luật thuế doanh thu và Điều 6 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt; được quy định hướng dẫn cụ thể tại Nghị định số 353-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng và các thông tư hướng dẫn thi hành Luật thuế doanh thu, thuế tiêu thụ đặc biệt của Bộ Tài chính.

Thời điểm xác định doanh thu tính thuế là thời điểm hoàn thành việc giao hàng và cung ứng dịch vụ, người mua hàng nhận hàng gia công và người được nhận các cung ứng dịch vụ và đã ký nhận việc trả tiền, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

B - XÁC ĐỊNH CÁC CHI PHÍ HỢP LỆ, HỢP LÝ ĐỂ TÍNH LỢI TỨC CHỊU THUẾ

Khi tính toán xác định các khoản chi phí hợp lệ, hợp lý quy định tại Điều 9 của Luật thuế lợi tức được trừ để tính thuế lợi tức theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 353-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, các cơ sở kinh doanh và cơ quan thuế các cấp phải thực hiện theo hướng dẫn thống nhất như sau:

1. Chi phí khấu hao TSCĐ:

a) Giá trị TSCĐ để làm căn cứ xác định chi phí khấu hao được thực hiện theo nguyên tắc dưới đây:

Những tài sản cố định mới mua sắm sau ngày 01 tháng 01 năm 1990 thì tính theo giá thực mua cộng (+) chi phí lắp đặt, vận chuyển bảo quản (nếu có);

Những tài sản cố định đang dùng trước ngày 01 tháng 01 năm 1990 được xác định phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Tài sản cố định thuộc các nguồn vốn (vốn ngân sách, vốn vay, vốn tự có, góp vốn liên doanh...) trích khấu hao cơ bản theo tỷ lệ quy định trong Quyết định số 507-TC/ĐTXD ngày 22 tháng 7 năm 1986 của Bộ Tài chính.

Đối với những loại TSCĐ khác, ngoài danh mục ghi trong quyết định trên thì áp dụng theo tỷ lệ khấu hao do ngành chủ quản hoặc cơ sở kinh doanh quy định, sau khi thoả thuận với cơ quan trực tiếp thu thuế trên nguyên tắc: tỷ lệ khấu hao cơ bản phải phản ánh đúng mức độ hao mòn thực tế TSCĐ trong điều kiện bình thường.

Tất cả các hoạt động kinh doanh phải tính đủ khấu hao theo quy định trên không giảm mức khấu hao cơ bản cho bất kỳ hoạt động kinh doanh nào;

Đối với cơ sở kinh doanh có điều kiện tích lũy lớn, cần thu hồi vốn khấu hao nhanh để tái đầu tư TSCĐ mới hoặc trả nợ Ngân hàng trước hạn về vay mua sắm TSCĐ, nếu trích khấu hao cơ bản cao hơn mức quy định chung tại Quyết định số 507-TC/ĐTXD thì phải được sự thoả thuận của cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế.

c) Tiền trích về sửa chữa lớn tài sản cố định phải phản ánh đúng chi phí thực tế hợp lý, phù hợp với giá cả, tiền lương về sửa chữa lớn theo định kỳ của mỗi loại TSCĐ. Số tiền trích trước về sửa chữa lớn TSCĐ phải được sử dụng đúng mục đích và thực chi tiêu vào công việc sửa chữa trong năm.

Số tiền chi sai mục đích hoặc số trích trước chi trong năm không hết phải loại trừ khỏi chi phí để tính lợi tức chịu thuế. Một số cơ sở kinh doanh, do đặc điểm kỹ thuật riêng, cần phải tích lũy vốn sửa chữa TSCĐ trong nhiều năm thì được tính vào chi phí hợp lệ, hợp lý số tiền trích về sửa chữa lớn TSCĐ, nhưng chưa chi trong năm, sau khi có sự thoả thuận của cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế.